TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 620/2018/ DS-ST
Ngày: 09/11/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Bích Thuận.

Bà Đặng Thị Nữa.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Thương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Đinh Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2018/TLST-DS ngày 23/5/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 416/2018/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2018/QĐST-DS ngày 17/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính V; Địa chỉ trụ sở: B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm X; Địa chỉ liên lạc: L, , quận B, TP. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Tài chính V (Văn bản ủy quyền số 8089/UQTA-VH.18 ngày 16/4/2018) vắng mặt phần tuyên án.

Bị đơn: Bà Trần Tú L, sinh năm Y; cư trú tại: T, Quận S, TP. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Công ty Tài chính V do ông Nguyễn Văn T đại diện trình bày:

Ngày 16/01/2016, bà Trần Tú L có ký hợp đồng tín dụng số 20160116-100098-3819 với Công ty Tài chính V vay số tiền là 68.853.231 đồng (Sáu mươi tám triệu, tám trăm năm mươi ba ngàn, hai trăm ba mươi mốt đồng); Thời hạn vay

36 tháng; Lãi suất vay 2.91%/ tháng; Mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân; Phương thức thanh toán: trả góp trong hạn 36 tháng tổng số tiền là: 112.119.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), bắt đầu từ ngày 19/02/2016 mỗi tháng trả 3.115.000đ, tháng thứ 36 bà L phải đóng là: 3.094.000 đồng. Thanh toán theo hình thức nộp tiền tại các chi nhánh thu hộ Công ty Tài chính V như: các chi nhánh của ngân hàng VPBank, thế giới di động, viễn thông A, bưu điện, FPT....

Công ty Tài chính V đã giao đủ cho bà L số tiền vay 68.853.231đ, trong đó cấn trừ số tiền trả nợ cho hợp đồng vay cũ 20141223-500000-0020 ngày 16/12/2014 là 46.763.726đ, trừ phí bảo hiểm 3.589.505đ số tiền ngân hàng thực tế giao cho bà L là: 18.500.000đ theo hình thức chuyển khoản số tiền này vào số tài khoản 94303807 ngày 19/01/2016 và bà L đã rút số tiền này vào ngày 20/01/2016 tại ngân hàng VPBank chi nhánh Chợ Lớn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã đóng được cho nguyên đơn tổng số tiền là: 53.575.000đ trong đó số tiền gốc đã thanh toán là 37.648.125đ, số tiền lãi đã thanh toán là 15.926.875đ, cụ thể như sau:

- Ngày 26/5/2016 bà L thanh toán: 5.000.000đ
- Ngày 30/6/2016 bà L thanh toán: 2.000.000đ
- Ngày 26/7/2016 bà L thanh toán: 3.000.000đ
- Ngày 29/9/2016 bà L thanh toán: 3.115.000đ
- Ngày 31/10/2016 bà L thanh toán:3.115.000đ
- Ngày 29/11/2016 bà L thanh toán:3.115.000đ
- Ngày 05/3/2017 bà L thanh toán: 6.230.000đ
- Ngày 29/6/2017 bà L thanh toán: 5.000.000đ
- Ngày 28/7/2017 bà L thanh toán: 15.000.000đ
- Ngày 03/10/2017 bà L thanh toán: 4.000.000đ
- Ngày 28/10/2017 bà L thanh toán: 4.000.000đ.

Từ ngày 28/10/2017 Bà L ngừng thanh cho đến nay. Hiện bà Trần Tú L còn nợ Công ty Tài chính V tổng số tiền là 58.544.000 đồng (Năm mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 31.205.106 đồng, nợ lãi là 27.338.894 đồng

Nay Công ty Tài chính V yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Tú L thanh toán một lần toàn bộ số tiền là: 58.544.000 đồng (Năm mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 31.205.106 đồng, nợ lãi là 27.338.894 đồng, ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là bà Trần Tú L vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai tại Bản tự khai và các biên bản hòa giải trình bày:

Bà L xác nhận có ký hợp đồng tín dụng số 20160116-100098-3819 ngày 16/01/2016 với Công ty Tài chính V để vay số tiền là 68.853.231 đồng (Sáu mươi tám triệu, tám trăm năm mươi ba ngàn, hai trăm ba mươi mốt đồng); Thời hạn vay

36 tháng; Lãi suất vay 2.91%/ tháng; Mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân. Ngân hàng đã cấn trừ số tiền trả nợ cho hợp đồng vay cũ 20141223-500000-0020 ngày 16/12/2014 là 46.763.726đ và 3.589.505đ tiền bảo hiểm vào số tiền giải ngân. Tuy nhiên, do thời gian quá lâu bà L không nhớ ngân hàng đã giao cho bà số tiền 18.500.000đ còn lại hay chưa.

Ngoài ra, quá trình thực hiện hợp đồng bà L đã đóng được cho nguyên đơn tổng số tiền là: 56.690.000đ (gồm các kỳ như nguyên đơn trình bày) và ngày 02/11/2017 bà L có đóng 3.115.000đ nhưng không có biên nhận.

Từ ngày 03/11/2017 bà L ngừng thanh toán tiền cho Ngân hàng cho đến nay.

Nay bà L không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà không nhớ nguyên đơn đã giao đủ cho bà số tiền vay hay chưa và bà không đồng ý chịu lãi cho nguyên đơn vì trước đây người của ngân hàng phụ trách hồ sơ vay của bà đã đồng ý cho bà thanh lý hợp đồng vay với nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Công ty Tài chính V (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính) khởi kiện bà Trần Tú L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn là bà Trần Tú L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Tú L trả số tiền 58.544.000 đồng (Năm mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 31.205.106 đồng, nợ lãi là 27.338.894 đồng. Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

HĐXX thấy rằng, Theo giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160116- 100098 -3819, ngày 16/01/2016 giữa Công ty tài chính V (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính) và bà Trần Tú L, thì giữa Công ty Tài chính và bà Trần Tú L đã phát sinh mối quan hệ về vay tài sản; Công ty Tài chính là bên cho vay, bà L là bên vay; tài sản cho vay là số tiền 68.853.231 đồng; Thời hạn vay 36 tháng; Lãi suất vay 2.91%/ tháng; Mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân.

Cả hai bên cùng nhìn nhận việc khi giải ngân, Công ty Tài chính đã cấn trừ số tiền trả nợ cho hợp đồng vay cũ 20141223-500000-0020 ngày 16/12/2014 là 46.763.726đ và 3.589.505đ tiền bảo hiểm vào số tiền giải ngân, số tiền thực giao cho bà L khi giải ngân cho hợp đồng này là 18.500.000đ.

Tại Bản tự khai ngày 17/8/2018, bà L xác nhận đã được Công ty Tài chính chuyển khoản số tiền 18.500.000đ vào số tài khoản 94303807. Phía Công ty Tài chính cũng chứng minh việc có chuyển khoản số tiền 18.500.000đ vào ngày 19/01/2016 và bà Trần Tú L đã rút khoản tiền này từ tài khoản số 94303807 vào ngày 20/01/2016 (BL số 33). Trong thực tế, bà L đã thực hiện việc trả tiền cho đến ngày 28/10/2017. Nay bà L cho rằng không nhớ việc Công ty Tài chính có giao số tiền 18.500.000đ cho bà hay không là không có cơ sở xem xét. Phía Công ty Tài chính cho rằng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay trong hợp đồng cho bà L là có căn cứ chấp nhận.

Về số tiền bà Trần Tú L còn nợ Công ty Tài chính: HĐXX thấy rằng theo hợp đồng thì số tiền bà Trần Tú L vay của Công ty Tài chính là 68.853.231 đồng. Đôi bên thỏa thuận phương thức thanh toán là mỗi tháng trả 3.115.000đ, bắt đầu từ 19/02/2016, tháng cuối cùng thanh toán 3.094.000đ vào ngày 19/01/2019 (Theo Bảng kế hoạch thanh toán (BL số 36): Tổng số tiền phải thanh toán 112.119.000đ trong đó 68.853.230đ tiền gốc và 43.265.769đ tiền lãi). Nhưng bà Trần Tú L chỉ mới thực hiện việc trả nợ được số tiền: 53.575.000đ trong đó số tiền gốc đã thanh toán là 37.648.125đ, số tiền lãi đã thanh toán là 15.926.875đ và ngưng trả từ 28/10/2017 cho đến nay. Phía bà Trần Tú L cho rằng ngày 02/11/2017 bà L có đóng 3.115.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, bà Trần Tú L cho rằng bà không đồng ý chịu lãi cho nguyên đơn vì trước đây người phụ trách hồ sơ vay của bà đã đồng ý cho bà thanh lý hợp đồng vay với nguyên đơn nhưng việc này không được phía nguyên đơn thừa nhận và bà L cũng không chứng minh được việc Công ty Tài chính đã thanh lý hợp đồng hay có miễn lãi cho bà. Nên HĐXX xác định số tiền bà L còn nợ Công ty Tài chính là 58.544.000 đồng (Năm mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 31.205.106 đồng, nợ lãi là 27.338.894 đồng.

Như vậy, phía bà Trần Tú L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì bà L phải có trách nhiệm trả nợ cho Công ty Tài chính nên đã có cơ sở để HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bà Trần Tú L phải thanh toán nợ là thỏa đáng.

[3] Về thời hạn thanh toán: Theo giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký thì các bên thỏa thuận tại phần quyền và nghĩa vụ của Bên vay và Bản kế hoạch thanh toán thì bà L trả nợ vào ngày 19 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 19/02/2016 đến 19/01/2019. Tuy nhiên, bà L chỉ thanh toán đến 28/10/2017 thì ngưng là đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty Tài chính trong việc thu hồi nợ. Vì vậy, bà Trần Tú L phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 58.544.000 đồng (Năm mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Căn cứ án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì:

"Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Nên bà Trần Tú L còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: bà Trần Tú L phải chịu án phí là 5% trên số tiền phải trả cho Công ty Tài chính là 58.544.000đ x 5% = 2.927.200đ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 264, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty Tài chính V:

Buộc bà Trần Tú L có trách nhiệm trả cho Công ty Tài chính V số tiền vay còn nợ theo giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160116- 100098 - 3819, ngày 16/01/2016 là 58.544.000 đồng (Năm mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) - trong đó nợ gốc là 31.205.106đ (Ba mươi mốt triệu hai trăm lẻ năm ngàn một trăm lẻ sáu đồng), nợ lãi là 27.338.894đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi tám ngàn tám trăm chín mươi bốn đồng).

Thời hạn thanh toán là ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Trần Tú L còn phải tiếp tục trả cho Công ty Tài chính V khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh

toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Tú L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.927.200đ (Hai triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty Tài chính V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.463.600đ (Một triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0029259 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty Tài chính V và bà Trần Tú L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Minh Châu